

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3975 /BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư
Quy định quản lý và sử dụng
kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2021- 2025

Kính gửi:

Ngày 22/02/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025. Theo nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 (đính kèm).

Đề nghị quý cơ quan xem xét, có ý kiến tham gia và gửi về Bộ Tài chính¹ trước ngày 17/05/2022 để tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Thông tư.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN;
- Vụ Pháp chế;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT BTC;
- Lưu: VT, HCSN (4b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

¹ Chi tiết xin liên hệ: Chị Vũ Thùy Dương, Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp, Điện thoại: 0973655027, Email: vuthuyduong1@mof.gov.vn

DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, CÁC ĐỊA PHƯƠNG GỬI CÔNG VĂN XIN Ý KIẾN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2. Bộ Quốc phòng
3. Bộ Công an
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Bộ Y tế
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo
7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
9. Bộ Nội vụ
10. Bộ Tư pháp
11. Bộ Thông tin và Truyền thông
12. Bộ Khoa học và Công nghệ
13. Bộ Tài nguyên và Môi trường
14. Bộ Công Thương
15. Bộ Xây dựng
16. Ủy ban dân tộc
17. Bộ Giao thông vận tải
18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
19. Trung ương Hội nông dân Việt Nam
20. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
21. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
22. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam
23. Ủy ban TW Mặt trận tổ quốc Việt Nam
24. Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo
05.2022**THÔNG TƯ****Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 07 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 03 năm của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là “Quyết định số 263/QĐ-TTg”);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là “Chương trình”).

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg;



b) Thông tư này không áp dụng đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính;

Trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ không có yêu cầu ràng buộc về nội dung, mức chi từ nguồn tài trợ, viện trợ thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg).

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025 ban hành tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025, số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3. Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện. Các xã còn lại: Căn cứ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tế của các địa phương và nhu cầu hỗ trợ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể.

4. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình.

5. Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bản bậc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.

6. Hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được chính quyền địa phương xem xét, trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền lương chung của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể sau khi trình thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện, xã triển khai thực hiện.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn và phân bổ kinh phí (bao gồm kinh phí hỗ trợ của ngân sách trung ương và nguồn của ngân sách địa phương các cấp) để thực hiện các dự án, nội dung công việc theo quy định.

8. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí trong dự toán chi thường xuyên.

Điều 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình;

b) Bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai các dự án, tiêu dự án và nội dung thành phần của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

2. Ngân sách địa phương

Các địa phương chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để cùng với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg và Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg.

Điều 4. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công; cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là “CTMTQG”) và các quy định tại Thông tư này. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng chế độ quy định.

2. Hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương được giao dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình có trách nhiệm thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành; đồng thời, gửi thông báo quyết toán Chương trình hàng năm về cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội.

3. Việc mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ; duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công và pháp luật có liên quan.

4. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện, tài liệu làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ.

Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đối với các dự án có nội dung hỗ trợ hộ gia đình, việc hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ hoặc tên, số lượng, thông số kỹ thuật, ký hiệu, nhãn mác, đơn vị sản xuất của loại sản phẩm hiện vật được hỗ trợ; chữ ký (dấu tay điểm chỉ) của người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ hoặc xác nhận của tổ chức dịch vụ chi trả (trong trường hợp thanh toán qua tổ chức dịch vụ chi trả) làm chứng từ thanh toán, quyết toán.

Điều 5. Một số nội dung và mức chi chung

1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn (hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ; lớp tập huấn đào tạo bồi dưỡng thực hiện các nội dung của Chương trình): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC); Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.



2. Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước; chi hội thảo chuyên môn nghiệp vụ có tính chất nghiên cứu khoa học gắn với nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

3. Chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của Chương trình (bao gồm cả tiếng dân tộc) tại Việt Nam và tiếp khách trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

6. Chi điều tra, khảo sát, đánh giá, thống kê nội dung chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

7. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, hội nghị, hội thảo, các hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

8. Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác do người dân trên địa bàn trực tiếp làm ra hoặc cung cấp: trường hợp không có chức năng cung cấp hóa đơn, biên lai thì chứng từ thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, theo giá cả phù hợp với mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm và giá công bố, thẩm định của cơ quan có thẩm quyền (nếu có), có xác nhận của trường thôn nơi bán, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH

Điều 6. Nội dung

Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã, từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng; rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch

chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch năm 2017 và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 7. Lập kế hoạch, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán

1. Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh trên cơ sở mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương, có trách nhiệm chủ động chỉ đạo lập kế hoạch kinh phí quy hoạch của tỉnh; bố trí, bổ sung kinh phí ngân sách địa phương để rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn; tập trung quy hoạch lại các khu cụm dân cư/thôn, bản tại các xã biên giới; rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

2. Về việc lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí

Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật cho việc lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện theo quy định. Việc lập, phân bổ dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác (nếu có)

Việc quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi các hoạt động kinh tế.

Mục 2

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ BẢN ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, ĐẢM BẢO KẾT NỐI NÔNG THÔN – ĐÔ THỊ VÀ KẾT NỐI CÁC VÙNG MIỀN

Điều 8. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Nội dung chi: Chi xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 9. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

1. Chi mua sắm, lắp đặt trang thiết bị, cột phát sóng (đối với trạm sử dụng công nghệ vô tuyến), cột treo dây, treo loa, dây dẫn và các vật tư, thiết bị phụ trợ. Cơ cấu, thành phần, yêu cầu kỹ thuật về trang thiết bị cần mua sắm để thiết lập mới, nâng cấp các đài, trạm truyền thanh; đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện; trạm tiếp phát, phát lại truyền thanh, truyền hình khu vực thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc mua sắm thực hiện theo quy định hiện hành về mua sắm hàng hoá, vật tư thiết bị và các văn bản liên quan.

2. Chi đào tạo, hướng dẫn quản lý, vận hành đài, trạm truyền thanh, trạm truyền tiếp phát, phát lại truyền thanh cho cán bộ đơn vị thụ hưởng. Trình tự ưu tiên thực hiện nhiệm vụ và yêu cầu về nội dung chương trình đào tạo, hướng dẫn khai thác, vận hành trang thiết bị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 10. Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định.

1. Nội dung chi: Công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

2. Mức chi: UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quy định mức chi cụ thể để thực hiện.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 11. Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ phát triển các mô hình thí điểm xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp.

2. Mức chi: Thực hiện theo thực tế và tối đa không quá 50% giá trị của cả mô hình (phần còn lại huy động từ đóng góp của người dân và các nguồn xã hội hoá khác). Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các nội dung, mức chi phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 3

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

Tiểu mục 1

Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Điều 12. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí

1. Nội dung chi: Chi xây dựng, nhân rộng mô hình cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản gắn với tiêu chuẩn chất lượng; Phát triển kênh phân phối các sản phẩm nông nghiệp nông thôn thông qua hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại: Tổ chức điều tra, khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp nông thôn; Nghiên cứu xây dựng đề án xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu/kênh phân phối; Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình, kênh phân phối tại một số địa phương; Triển khai hỗ trợ mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu, kênh phân phối trên thực tế (hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu ...); Tổ chức tập huấn kiến thức cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào mô hình, kênh phân phối.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 của Thông tư. Đối với nội dung Triển khai hỗ trợ, xây dựng mô hình, kênh phân phối trên thực tế (hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh, ...) thực hiện theo hóa đơn thực tế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng mô hình, kênh phân phối. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các nội dung, mức chi phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 2

Triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.

Điều 13. Triển khai Chương trình OCOP

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày ...tháng ...năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung chi

a) Chi xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp tỉnh, huyện, bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch;

b) Chi hỗ trợ tăng cường chuyên đổi số; truyền thông, thông tin tuyên truyền; xây dựng và vận hành dữ liệu sản phẩm, số hóa sản phẩm, quản lý hồ sơ sản phẩm OCOP.

c) Chi xây dựng bộ công cụ hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia chương trình theo Bộ tiêu chí OCOP; tài liệu hướng dẫn, tập huấn, quảng bá phục vụ Chương trình OCOP; tập huấn, đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP các cấp, cá nhân tham gia chu trình OCOP;

d) Chi hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, gồm: chi hỗ trợ khảo sát thị trường, nghiên cứu công nghệ, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng phương án, thử nghiệm sản phẩm, câu chuyện sản phẩm;

e) Chi hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng tại địa phương

g) Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, thương mại điện tử cho sản phẩm đạt sao OCOP; tổ chức các sự kiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với văn hóa và du lịch trong và ngoài nước; Triển khai hỗ trợ điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP trên thực tế (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP, ...)

h) Chi hỗ trợ xây dựng và quản lý bao bì, nhãn hiệu các sản phẩm OCOP, hệ thống nhận diện thương hiệu, bao gồm cả chi phí đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm tham gia chu trình OCOP, in tem, bao bì, giấy chứng nhận.

i) Chi tổ chức thi và đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP các cấp hàng năm; hoạt động quản lý, giám sát sản phẩm OCOP sau khi được công nhận, trong đó bao gồm chi thuê chuyên gia, vận chuyển và bảo quản sản phẩm dự

thi, tổ chức chấm thi, chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu, tổ chức công bố kết quả, khen thưởng cho các sản phẩm đạt sao.

3. Mức chi: Thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Đối với nội dung triển khai hỗ trợ, xây dựng điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP, ...) thực hiện theo hóa đơn thực tế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các nội dung, mức chi phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 14. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

1. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Quyết định số/QĐ-TTg ngày ...tháng ...năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 15. Đẩy mạnh, sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị

1. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021-2030 và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 3

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị

Điều 16. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025; Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 4

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường

Điều 17. Nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí

1. Nội dung chi: Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức cho các hộ kinh doanh trên địa bàn nông thôn; Chi biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.



Tiểu mục 5

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Điều 18. Nguyên tắc thực hiện

1. Nội dung Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện các đề tài, dự án, mô hình (sau đây gọi chung là nhiệm vụ khoa học công nghệ) của Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/06/2017 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng NSNN.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 19. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi, mức chi các nhiệm vụ khoa học thực hiện Chương trình: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với chi xây dựng mô hình: NSNN hỗ trợ tối đa 30% đối với mô hình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ tối đa 50% đối với mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp; tối đa 70% kinh phí thực hiện dự án mô hình (không bao gồm nhà xưởng) để thực hiện các dự án trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Thông tư 348/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chi thù lao trách nhiệm đối với các thành viên Ban điều hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý tài chính các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước.

4. Chi quản lý Chương trình: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư này.

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 6

Thực hiện hiệu quả Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị.

Điều 20. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 21. Nội dung chi, mức chi

1. Nội dung chi:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn:

- Chi xây dựng Đề án, kế hoạch phát triển du lịch nông thôn bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên, điều tra, thu thập dữ liệu về khách du lịch về khu vực nông thôn; thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch phát triển du lịch nông thôn;

- Trang trí, phục dựng cảnh quan, lắp đặt nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, nhà trưng bày, trung tâm thông tin du khách;

- Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn...)

b) Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn: mua sắm trang thiết bị, máy móc; nhạc cụ, trang phục truyền thống; bảo tồn, phục dựng, tổ chức không gian văn hoá truyền thống phục vụ phát triển du lịch (chợ quê, lễ hội, công trình văn hoá, nhà ở truyền thống, làng nghề)

c) Chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông thôn:

d) Chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn: Xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức các lớp tập huấn kiến thức cho các hộ kinh doanh du lịch trên địa bàn nông thôn và cán bộ quản lý về du lịch nông thôn;

f) Chi hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững.

2. Mức chi:

a) Thực hiện theo quy định hiện hành và quy định tại Điều 5 của Thông tư.

b) Chi hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn thực hiện theo nguyên tắc: NSNN hỗ trợ tối đa 30% đối với mô hình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ tối đa 50% đối với mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp; 70% đối với mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch: tối đa không quá 100 triệu đồng/điểm du lịch;

d) Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn: Đối với hộ gia đình mua sắm trang thiết bị ban đầu để phục vụ khách du lịch (homestay): Hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/hộ. Đối với thôn, xóm, bản mua sắm bộ nhạc cụ, trang phục truyền thống: Hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/thôn, xóm, bản.

3. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các nội dung, mức chi phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

4. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 7

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường

Điều 22. Nội dung, mức chi chung

1. Chi lập và thẩm định các dự án hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN

2. Chi thuê địa điểm, máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo: Mức chi theo hợp đồng, giá cả thực tế tại thời điểm thuê, phù hợp với từng công việc thực hiện cụ thể và do thủ trưởng đơn vị triển khai quyết định.

3. Chi tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề cho giáo viên giảng dạy trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, kỹ năng dạy học cho người dạy nghề; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp ở trong và ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giáo viên, các bộ quản lý đào tạo nghề, cộng tác viên về tư vấn học nghề, việc làm: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

4. Chi thực hiện công tác quản lý và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chi xây dựng hệ thống quản lý

thông tin và cơ sở dữ liệu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Thông tư này.

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 23. Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm

1. Chi hoạt động truyền thông

a) Nội dung chi

- Chi thông tin, tuyên truyền về đào tạo nghề, việc làm cho lao động nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng, gồm: Các báo, tạp chí, bản tin, tập san, chuyên san, đài phát thanh, đài truyền hình, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề;

- Chi in ấn các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền; xuất bản sách chọn nghề, cẩm nang việc làm cho lao động nông thôn và các hoạt động khác có liên quan.

b) Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung và mức hỗ trợ, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

2. Chi tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn, người khuyết tật: Mức chi 15.000 đồng/người được tư vấn

3. Chi cho công tác xây dựng, biên soạn tài liệu để tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên. Mức chi cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn tài liệu: 70.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

b) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);

c) Chi thẩm định, nhận xét: 35.000 đồng/trang chuẩn (350 từ).

Điều 24. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo để thực hiện các mô hình, các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng

1. Nội dung chi và mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Chi xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và danh mục thiết bị đào tạo trình độ sơ cấp nghề và đào tạo dưới 3 tháng: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Xây dựng chuẩn đầu ra và minh chứng kèm theo (khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp) đối với trình độ sơ cấp



Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Điều 25. Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Nội dung chi: Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho nhà giáo dạy trình độ sơ cấp và người dạy nghề; chương trình, tài liệu bồi dưỡng công nghệ mới; chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề; chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chương trình, tài liệu bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm; chương trình, tài liệu bồi dưỡng về kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp đối với lao động nông thôn.

2. Mức chi

a) Biên soạn chương trình:

- Biên soạn chương trình: 100.000 đồng/1 giờ;
- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/1 giờ;
- Thẩm định chương trình: 40.000 đồng/1 giờ.

b) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng

- Biên soạn tài liệu bồi dưỡng: 70.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);
- Sửa chữa, biên tập tổng thể: 40.000 đồng/trang chuẩn (350 từ);
- Thẩm định nhận xét đánh giá tài liệu bồi dưỡng: 20.000 đồng/trang chuẩn (350 từ).

c) Tiền công chuyên gia cho ý kiến để chỉnh sửa, hoàn thiện: tối đa 2.000.000 đồng/ý kiến (không quá 7 ý kiến); thuê chuyên gia, tư vấn hướng dẫn, giám sát xây dựng (nếu có): 20.000 đồng/giờ;

đ) Chỉnh sửa, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng chi thẩm định, nhận xét bằng 100% mức chi xây dựng mới.

Số giờ chuẩn quy định cho từng chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề cho giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp và người dạy nghề thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 26. Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng, cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động

1. Đối tượng được hỗ trợ

Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn (không bao gồm các đối tượng đã được bố trí kinh phí từ CTMTQG Phát triển kinh tế xã



hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025).

2. Nội dung hỗ trợ

a) Mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ đào tạo nghề: Các cơ quan, đơn vị theo phân cấp của trung ương và địa phương quyết định mua sắm phù hợp với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, chương trình đào tạo trong phạm vi dự toán được giao.

Việc hỗ trợ mua phương tiện vận chuyển phục vụ đào tạo nghề lưu động thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước.

b) Sửa chữa, bảo dưỡng, một số hạng mục công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mức hỗ trợ tối đa bằng 30% vốn sự nghiệp thực hiện Dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 27. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1. Hình thức triển khai mô hình đào tạo nghề, tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại cho người học. Mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Điều 28. Thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.

1. Phạm vi, nội dung thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

2. Đối tượng được hỗ trợ: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, trang trại ở khu vực nông thôn.

3. Nội dung chi và mức chi: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính quy định

quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

4. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

Mục 4

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN

Tiểu mục 1

Phát triển giáo dục ở nông thôn

Điều 29. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 2

Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Điều 30. Nội dung, mức chi chung

1. Các nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Chi đào tạo mới cho cô đỡ thôn, bản theo chương trình do Bộ Y tế ban hành; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cộng tác viên dinh dưỡng, cô đỡ thôn, bản không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em theo quyết định của Giám đốc Sở Y tế.

Riêng cô đỡ thôn, bản không hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia đào tạo theo chương trình do Bộ Y tế ban hành được hỗ trợ:



- Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học cư trú cách địa điểm đào tạo 15 ki-lô-mét trở lên; mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người học cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo 10 ki-lô-mét trở lên.

- Tiền ăn trong thời gian đào tạo: 40.000 đồng/người/ngày thực học đối với cô đỡ là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số; 30.000 đồng/người/ngày thực học đối với các đối tượng còn lại.

b) Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác; hội thảo chuyên môn nghiệp vụ; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư này.

c) Chi tổ chức điều tra, thống kê.

2. Chi mua thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù (sau đây gọi tắt là hàng hoá) dùng cho hoạt động chuyên môn về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (bao gồm cả hàng hóa mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có). Số lượng theo thực tế phát sinh, trong phạm vi giá và định mức hàng hóa phù hợp với tuyến chuyên môn kỹ thuật của đơn vị, theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Chi bồi dưỡng cán bộ y tế đi giám sát chuyên môn về sức khỏe sinh sản, giám sát dinh dưỡng (ngoài chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC): 30.000 đồng/người/ngày đi giám sát.

4. Chi thù lao cộng tác viên tại xã, phường, thị trấn tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và các hoạt động y tế khác: Tùy vào nhu cầu, tính chất của từng loại bệnh, từng dự án và điều kiện địa lý của từng xã, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương quyết định số lượng cộng tác viên của từng xã trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế. Mức hỗ trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

5. Chi tổ chức thực hiện các buổi tư vấn về sức khỏe sinh sản, giám sát dinh dưỡng, bao gồm:

a) Chi thuê hội trường, phòng, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hoá đơn);

b) Chi tiền tài liệu, nước uống cho người tham dự; thù lao cho báo cáo viên: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản: Áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống.

6. Chi tổ chức chiến dịch khám, sàng lọc phát hiện (tối đa không quá 5 ngày tại 1 cụm), quản lý sàng lọc tại cộng đồng về phát hiện bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và ung thư đường sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; chiến dịch bổ sung vitamin A và ngày vi chất dinh dưỡng (ngày 01 tháng 6 và tháng 12 hàng năm):

a) Chi hỗ trợ công tác tổ chức: 800.000 đồng/xã/chiến dịch (đối với xã đặc biệt khó khăn); 500.000 đồng/xã/chiến dịch (đối với các xã còn lại).

b) Chi mua sắm thuốc thiết yếu và vật tư tiêu hao: Số lượng theo thực tế phát sinh, trong phạm vi giá và định mức hàng hóa phù hợp với tuyến chuyên môn kỹ thuật của đơn vị, theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Chi hỗ trợ cho những người tham gia tổ chức, thực hiện, phục vụ tại địa phương: 75.000 đồng/người/ngày trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 50.000 đồng/người/ngày đối với các xã còn lại.

d) Chi thù lao cộng tác viên tham gia phát phiếu mời và triển khai các hoạt động trước đợt khám (tối đa không quá 03 ngày) và trong thời gian khám tại cộng đồng (nếu có).

d) Chi xăng xe vận chuyển thiết bị, vật tư, thuốc: Mức chi thực hiện theo hợp đồng (nếu có) và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

8. Chi thù lao người dẫn đường địa phương trong các đợt kiểm tra, giám sát, điều tra tại địa bàn đi lại khó khăn hoặc khó tiếp cận cộng đồng theo quyết định của Giám đốc Sở Y tế (nếu cần thiết): Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

10. Chi thẩm định các ca tử vong mẹ, tử vong trẻ em tại cộng đồng trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Chi hợp Hội đồng thẩm định: Mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

- Chi công tác phí: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

- Chi thuê người dẫn đường (nếu cần thiết): Mức chi theo quy định tại Điểm b Khoản 18 Điều 4 Thông tư này.

11. Chi thăm hỏi gia đình có đối tượng bị tử vong liên quan đến các can thiệp chuyên ngành về dinh dưỡng và sức khỏe sinh sản: Mức chi 500.000 đồng/đối tượng.

Điều 31. Chi đặc thù về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì; trẻ em khuyết tật: 10.000 đồng/người.

2. Chi mua, vận chuyển các sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn. Số lượng theo quy định của cấp có thẩm quyền, trong phạm vi dự toán được duyệt.

Trường hợp tổ chức thực hiện cùng với chiến dịch khám sàng lọc cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em hoặc chiến dịch bổ sung vitamin A và ngày vi chất dinh dưỡng (ngày 1 tháng 6 và tháng 12 hàng năm), chi hỗ trợ 01 lần chi vận chuyển sản phẩm dinh dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc Điểm d Khoản 6 Điều 26 của Thông tư này.

3. Hỗ trợ trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống)

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống)

4. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp y tế; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 5

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA NÔNG THÔN; BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN

Tiểu mục 1

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân. Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hoá, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Điều 31. Nội dung chi, mức chi:

1. Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao các cấp

a) Nội dung hỗ trợ: Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, bao gồm: Bàn, ghế hội trường; phong màn sân khấu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang chuyên dùng hoạt động văn nghệ, thiết bị truyền thanh; tủ giá sách, báo, tạp chí; các dụng cụ thể dục thể thao chuyên dùng đảm bảo theo từng môn thể thao và các thiết bị khác phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương.

b) Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

c) Mức hỗ trợ:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.
- Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.
- Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn

a) Nội dung hỗ trợ

- Chi mua tài liệu, sách cho tủ sách mới xây dựng; cập nhật, bổ sung sách, tài liệu mới cho tủ sách hiện có phù hợp với yêu cầu sử dụng;
- Chi mua tủ mới hoặc bảo dưỡng tủ sách định kỳ;
- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách.

b) Mức hỗ trợ tối đa cho Thư viện cấp huyện 100 triệu đồng/01 Thư viện, tủ sách xã là 50 triệu đồng/01 tủ sách, tủ sách thôn là 30 triệu đồng/tủ sách.

3. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn

a) Nội dung hỗ trợ: Chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác Văn hóa cơ sở; phát triển bồi dưỡng năng khiếu trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, thể thao.

b) Định mức hỗ trợ:

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã: 50 triệu đồng/01 năm .
- Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn: 30 triệu đồng/01 năm

4. Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã và thôn:

a) Nội dung, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/giải;
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn: 30 triệu đồng/giải.

5. Sản xuất và cấp phát ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình tiêu biểu về bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung chi

- Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành các ấn phẩm tuyên truyền (sách, tờ rơi, tập gấp, đĩa phim) để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình;
- Chi trả nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia có liên quan phục vụ công tác xây dựng nội dung, biên tập;

- Chi dịch và hiệu đính tài liệu phục vụ xây dựng nội dung ấn phẩm.

b) Mức chi theo quy định tại Điều 54 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

6. Tổ chức truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu nhằm bảo tồn văn hóa trong phong trào xây dựng nông thôn mới; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ phụ trách thể dục thể thao; nâng cao năng lực bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống cho công chức văn hóa xã, nghệ nhân, học viên các xã xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ làm công tác văn hóa. Mức chi thực hiện theo các quy định Điều 5 Thông tư này. Đối với hoạt động tổ chức truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu nhằm bảo tồn văn hóa trong phong trào xây dựng nông thôn mới, thời gian tổ chức do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định.

7. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 2

Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hoá; bảo tồn và phát huy di sản văn hoá; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

Điều 33. Nội dung chi, mức chi

1. Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp các dân tộc (nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, nghề thủ công, trang phục truyền thống...) gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung chi

- Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để xây dựng mô hình;
- Thuê chuyên gia nghiên cứu, chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng mô hình;
- Thuê hoặc mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ xây dựng mô hình;

- Tổ chức lớp tập huấn về phương pháp, kỹ năng xây dựng và nhân rộng các mô hình. Thời gian tổ chức do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định;

- Tổ chức thực hành các mô hình:

- + Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư phục vụ xây dựng các mô hình;

- + Hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, người dân tham gia thực hành mô hình;

- Sản xuất phim tài liệu về quá trình xây dựng các mô hình, phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống;

- Thông tin, tuyên truyền rộng rãi các mô hình;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng các mô hình.

b) Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

3. Bảo tồn văn hóa phi vật thể tại làng, bản văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch.

a) Nội dung chi:

- Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa truyền thống của các dân tộc;

- Thuê chuyên gia nghiên cứu, chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu, bảo tồn;

- Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, sổ liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ hoạt động các loại hình văn hóa truyền thống của các dân tộc;

- Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy các loại hình văn hóa truyền thống. Thời gian tổ chức do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định;

- Tổ chức biểu diễn, tái hiện các loại hình thức văn hóa truyền thống:

- + Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; thuê trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư; lễ vật (phục vụ nghi thức văn hóa truyền thống);

- + Hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, người dân tham gia hoạt động bảo tồn, phục dựng văn hóa truyền thống;

- Sản xuất phim tài liệu phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống các dân tộc;

- Quảng bá, truyền thông nhằm phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng cho mô hình: tổ chức đoàn khảo sát cho báo chí, doanh nghiệp; tổ chức chương trình tọa đàm, hội thảo nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch; xây dựng trang thông tin điện tử (website), trang mạng xã hội giới thiệu điểm đến.

b) Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 54 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

4. Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu phục vụ phát triển du

lịch gắn với xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung chi

- Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin;
- Thuê chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, xây dựng kịch bản, bảo tồn lễ hội truyền thống;
- Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, sổ liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, thiết kế, phần mềm, công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn lễ hội;
- Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy phương pháp, kỹ năng bảo tồn lễ hội truyền thống phục vụ phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới. Thời gian tổ chức do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định;
- Tổ chức trình diễn, tái hiện lễ hội truyền thống:
 - + Lắp đặt, trang trí sân khấu, khu vực trình diễn; trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; trang thiết bị, vật tư; lễ vật (phục vụ nghi lễ văn hóa);
 - + Hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, người dân tham gia trình diễn, tái hiện lễ hội truyền thống;
- Sản xuất phim tài liệu phục vụ công tác bảo tồn và tuyên truyền, giới thiệu lễ hội truyền thống;
- Thông tin, tuyên truyền phục vụ bảo tồn lễ hội truyền thống;

b) Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 54 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 6

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG; XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN SÁNG – XANH – SẠCH – ĐẸP, AN TOÀN; GIỮ GÌN VÀ KHÔI PHỤC CẢNH QUAN TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN

Tiểu mục 1

Nâng cao chất lượng môi trường

Điều 34. Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/ Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

1. Đối tượng, nội dung, nguyên tắc, quy trình hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh.

2. Nội dung chi:

a) Chi nghiên cứu, lập đề án/kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn huyện.

b) Chi thực hiện đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn:

- Hỗ trợ công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tập huấn, tham quan, học tập các mô hình về quản lý, thu gom và xử lý chất thải;

- Hỗ trợ phân loại tại nguồn (hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình), thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

- Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn (chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ tham gia mô hình thí điểm và mô hình nhân rộng; hỗ trợ triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm mô hình).

3. Mức chi thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại. UBND cấp tỉnh căn cứ chế độ quy định hiện hành, thực tế thực hiện ở địa phương để quy định cụ thể các mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện, nguồn lực của địa phương.

4. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 35. Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên.

1. Nội dung chi

a) Chi điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường (bao gồm nội dung thuê chuyên gia) để xây dựng dự án, kiểm tra, nghiệm thu dự án để phục vụ dự án xây dựng, sửa chữa hệ thống thu gom, xử lý chất thải tập trung tại các làng nghề truyền thống ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ đầu tư, nâng cấp các hệ thống xử lý chất thải tại cơ sở sản xuất quy mô hộ gia đình trong làng nghề truyền thống.

b) Chi điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường (bao gồm nội dung thuê chuyên gia) tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm (không bao gồm dự án đầu tư theo Luật đầu tư công).

2. Mức chi thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Điều kiện được hỗ trợ: Các dự án được xem xét hỗ trợ vốn khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật và được đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm;

b) UBND cấp tỉnh có văn bản cam kết bố trí đủ vốn đối ứng để thực hiện dự án và cam kết dự án chưa được bố trí kinh phí thực hiện và chưa được hỗ trợ từ các nguồn vốn khác;

c) Dự án phải có nội dung về kế hoạch và cam kết vận hành bền vững và duy tu hệ thống thu gom, xử lý chất thải sau khi dự án kết thúc;

d) Ưu tiên hỗ trợ vốn đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

e) Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại. UBND cấp tỉnh căn cứ chế độ quy định hiện hành, thực tế thực hiện ở địa phương để quy định cụ thể các mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện, nguồn lực của địa phương.

4. Đối với các dự án được ngân sách Trung ương hỗ trợ, trường hợp địa phương không thực hiện dự án, không bố trí vốn đối ứng theo cam kết hoặc sử dụng không đúng mục đích, thì phải thu hồi vốn đã hỗ trợ nộp ngân sách Trung ương.

5. Việc đề xuất tiêu chí xác định khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm được ưu tiên hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Tiểu mục 2

**Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn;
Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn**

Điều 36. Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu.

1. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn.



2. Căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung phù hợp với điều kiện, nguồn lực của từng tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 37. Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;

1. Thực hiện theo Thông tư của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

2. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 38. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

1. Thực hiện theo Thông tư của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

2. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 39. Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025”.

1. Phạm vi, đối tượng, nhiệm vụ: Thực hiện theo Quyết định số...../QĐ-TTg ngàytháng....năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung chi:

Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số...../QĐ-TTg ngàytháng....năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. NSNN hỗ trợ tối đa 30% đối với mô hình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ tối đa 50% đối với mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp; 70% đối với mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 7

ĐẨY MẠNH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ; THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÔNG THÔN MỚI, TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHỆ SỐ, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH; BẢO ĐẢM VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN, GIẢI PHÁP BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI.

Điều 40. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

1. Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và truyền thông

2. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 41. Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 – 2025

1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung chi

a) Chi xây dựng Kế hoạch cấp tỉnh, huyện, bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng kế hoạch;

b) Chi hỗ trợ truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; xây dựng tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới;

c) Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây

dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025

d) Chỉ tập huấn, đào tạo cho cán bộ thực hiện Chương trình, các cá nhân tham gia thực hiện các nội dung chuyển đổi số;

3. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại văn bản số 639/BTTTT-THH ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; quy định tại Điều 5 của Thông tư và các văn bản hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 42. Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.

1. Đối với phổ biến, giáo dục pháp luật, tiêu chí “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” trong xã nông thôn mới, tiêu chí “tiếp cận pháp luật” trong xã nông thôn mới nâng cao, tiêu chí “huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” trong huyện nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Đối với hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 43. Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

1. Nội dung chi

a) Nâng cao nhận thức và năng lực thụ hưởng trợ giúp pháp lý điểm của người dân vùng nông thôn.

b) Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý ngay tại nơi cư trú cho người dân vùng nông thôn, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với người dân vùng nông thôn; bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý cho cán bộ cấp xã.

c) Xây dựng các chương trình phát sóng chuyên mục, tiểu phẩm về trợ giúp pháp lý cho phù hợp với điều kiện người dân vùng nông thôn.

d) Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm cho cán bộ cấp xã, cộng đồng làm nòng cốt truyền tải thông tin, câu hỏi trợ giúp pháp lý với người dân vùng nông thôn.

e) Biên soạn, cung cấp các tài liệu về chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý cho người dân vùng nông thôn.

h) Hỗ trợ cấp bằng thông tin về trợ giúp pháp lý cho người dân khu vực nông thôn.

2. Mức chi

a) Tập huấn kỹ năng thực hiện, tiếp cận trợ giúp pháp lý, bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý cho người dân khu vực nông thôn: thực hiện Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và các văn bản hướng dẫn tương ứng có liên quan.

b) Các đợt chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm, nâng cao nhận thức và năng lực thụ hưởng trợ giúp pháp lý điểm của người dân vùng nông thôn: nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Xây dựng các chương trình phát sóng chuyên mục, tiểu phẩm về trợ giúp pháp lý cho phù hợp với điều kiện người dân vùng nông thôn, cung cấp các tài liệu về chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý cho người dân vùng nông thôn: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung truyền thông, chương trình truyền thông bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

e) Hỗ trợ cấp bằng thông tin về trợ giúp pháp lý cho người dân khu vực nông thôn: mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

g) Biên soạn, cung cấp các tài liệu về chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý cho người dân vùng nông thôn và các hoạt động phát sinh trong thực tế: thực hiện và thanh toán theo quy định hiện hành.

Điều 44. Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

1. Nội dung, mức chi

a) Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em cho đội ngũ cán bộ triển khai chương trình nông thôn mới và người dân vùng nông thôn.

Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo

dảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

b) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp huyện, xã về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

c) Tổ chức điều tra, nghiên cứu, khảo sát việc thực hiện bình đẳng giới; bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

d) Hoạt động của Địa chỉ tin cậy – Nhà tạm lánh ở cộng đồng

- Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình ngôi nhà tạm lánh:

+ Nội dung, hình thức, quy trình triển khai thực hiện mô hình ngôi nhà tạm lánh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

+ Căn cứ vào mô hình ngôi nhà tạm lánh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, tùy theo điều kiện, yêu cầu cụ thể và khả năng ngân sách; cơ quan, đơn vị theo phân cấp của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Dự án xây dựng mới ngôi nhà tạm lánh hoặc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị của cơ sở đã có được sử dụng làm ngôi nhà tạm lánh để tiếp nhận, chăm sóc các đối tượng yếu thế;

- Chi hỗ trợ đối tượng là trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội trong thời gian lưu trú, tạm lánh tại các địa điểm tạm lánh:

+ Lập hồ sơ đối tượng: 45.000 đồng/hồ sơ (bao gồm cả ảnh);

+ Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc tại địa điểm tạm lánh: 70.000 đồng/người/ngày;

+ Hỗ trợ cho cán bộ cơ sở được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho đối tượng: 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng tối đa 600.000 đồng/cán bộ/tháng;

+ Mua tài liệu hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc đối tượng: Tối đa 500.000 đồng/đối tượng hoặc nhóm đối tượng (trong trường hợp có nhiều đối tượng cùng nhóm trợ giúp);

+ Mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Tối đa 700.000 đồng/đối tượng;

+ Chi phí khám, mua thuốc để chữa bệnh thông thường trong thời gian lưu trú tại địa điểm tạm lánh: Mức hỗ trợ do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao dự toán quyết định phù hợp với tình hình thực tế;



+ Chi phí đưa đối tượng lên tuyến trên đối với trường hợp phải can thiệp, trợ giúp vượt khả năng của cộng đồng, về cơ sở trợ giúp xã hội, về gia đình hoặc đến trung tâm trợ giúp pháp lý

++ Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng trong thời gian trên đường: Mức hỗ trợ 70.000 đồng/đối tượng/ngày, không quá 03 ngày;

++ Hỗ trợ tiền tàu xe cho đối tượng hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương. Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê;

++ Chi hỗ trợ cán bộ đi kèm (ngoài tiền công tác phí hiện hành): 70.000 đồng/người/ngày.

e) Chi hỗ trợ hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em; thiết lập mạng lưới kết nối, tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em

- Chi hỗ trợ người cung cấp thông tin về trẻ em: 60.000 đồng/trẻ em.

- Chi hỗ trợ tiền điện thoại cho công tác viên để tiếp nhận thông tin, kết nối dịch vụ thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em: 100.000 đồng/người/tháng.

- Chi hỗ trợ cho người đưa trẻ em cần bảo vệ khẩn cấp đến trung tâm, cơ sở:

+ Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người/ngày, không quá 03 ngày và tối đa 02 người;

+ Hỗ trợ chi phí đi lại (đi và về, tối đa không quá 02 người): Mức chi theo giá phương tiện công cộng áp dụng tại địa phương hoặc 0,2 lít xăng/km tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm đi (trong trường hợp tự túc phương tiện).

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi đảm bảo xã hội của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 8

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 45. Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công

tác giám sát và phản hiện xã hội; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM.

1. Nội dung chi

a) Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Chi khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích thực hiện phong trào: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.

d) Chi quản lý nội dung bao gồm: công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát những vấn đề có liên quan phục vụ hoạt động giám sát; tổ chức các Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, tổ chức tọa đàm, hội thảo về công tác giám sát.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 54, Điều 55 Thông tư này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 46. Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

1. Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” gồm: Chi xây dựng các mô hình điểm về phát triển kinh tế trong sản xuất nông nghiệp: Xây dựng mô hình điểm trong phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, các mô hình phát triển kinh tế liên kết sản xuất; Tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn thành lập và xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Xây dựng các chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”, gồm: Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình chi tổ hội nông dân nghề nghiệp theo hướng thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã: Hỗ trợ xây dựng và thành lập Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”. Trên cơ sở đó từng bước xây dựng mô hình “3 trong 1”, “4 trong 1”, “5 trong 1”. Bí thư chi bộ hoặc trưởng thôn là Chi hội trưởng – Tổ chức Đảng – Chi hội nông dân nghề nghiệp – Hợp tác xã kiểu mới – Doanh nghiệp trên cùng một địa bàn thôn, bản hoặc xã, phường, thị trấn. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, hội viên, nông dân. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Chi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thực hiện phong trào; các hoạt động hỗ trợ cho nông dân nhằm phát triển toàn diện phong trào ở các địa bàn: Thực hiện theo quy định tại Điều 54 Thông tư này.

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 47. Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”.

1. Phạm vi, đối tượng, nhiệm vụ giải pháp: Thực hiện theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025”.

2. Nguyên tắc bố trí vốn: Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các nội dung thực hiện Đề án đã được bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên hàng năm.

3. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi cho công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, vai trò của phụ nữ với phát triển kinh tế. Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền, truyền thông bằng hình thức trực tiếp tại cộng đồng và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 54 Thông tư này.

b) Chi hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo, phát triển kinh doanh và khởi nghiệp: Chi cho hoạt động tổ chức Ngày phụ nữ khởi nghiệp tại các cấp Hội Phụ nữ; chi hỗ trợ nhân rộng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 54 Thông tư này. Đối với chi hỗ trợ nhân rộng các mô hình, tối đa bằng 50% tổng chi phí/1 mô hình.

c) Chi cho hoạt động nâng cao năng lực cho các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển kinh doanh gồm: xây dựng mạng lưới cố vấn khởi nghiệp; tập huấn kỹ năng tư vấn/cố vấn khởi nghiệp cho người cố vấn và người được cố vấn; đào tạo kỹ năng kết nối và hỗ trợ, duy trì, phát triển mạng lưới cố vấn khởi nghiệp tại địa phương cho cán bộ HPN các cấp/các hiệp hội nữ doanh nhân. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 48. Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM

1. Nội dung chi

a) Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế

- Tổ chức Hành trình Thanh niên khởi nghiệp, Ngày hội Thanh niên khởi nghiệp, diễn đàn Thanh niên khởi nghiệp; đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với thanh niên.

- Tổ chức cuộc thi dự án khởi nghiệp (gồm một số hạng mục như: Giải

thường, âm thanh, ánh sáng, sân khấu, công tác tổ chức...).

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, khởi nghiệp, chuyển đổi số cho thanh niên; tổ chức các khóa đào tạo về quản lý, kinh doanh cho thanh niên.

- Tổ chức Chương trình kết nối giữa nhà đầu tư với các doanh nghiệp khởi nghiệp do thanh niên làm chủ.

b) Triển khai hiệu quả Chương trình Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới

- Tập huấn cho thành viên các Đội Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới; tổ chức tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân.

- Ra quân đội Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ mô hình tại địa phương.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi các hoạt động kinh tế của Chương; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 49. Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

1. Nội dung chi:

a) Chi cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm, vai trò của phụ nữ và cộng đồng về vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam và xây dựng nông thôn mới, các tiêu chí của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 54 Thông tư này.

b) Chi tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi, giao lưu, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, biểu dương các điển hình thực hiện vun đắp giá trị tốt đẹp gia đình và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 54 Thông tư này.

d) Chi thành lập, hỗ trợ vật dụng, trang thiết bị cần thiết và duy trì sinh hoạt các mô hình xây dựng gia đình gắn với xây dựng Nông thôn mới; thí điểm xây dựng mô hình dịch vụ gia đình; mô hình xây dựng gia đình 5 có 3 sạch tại các xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí/1 mô hình.

3. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mục 9

GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN

Điều 50. Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn

1. Nội dung chỉ

- a) Tổ chức tuyên truyền về công tác Công an thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.
- b) Xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo an ninh, trật tự xây dựng nông thôn mới.
- c) Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động của các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự ở khu vực nông thôn.
- d) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề về công tác công an đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn nông thôn.
- e) Tổ chức nghiên cứu xây dựng đề án, đề tài khoa học về công tác công an bảo đảm an ninh, trật tự xây dựng nông thôn mới.
- g) Tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- l) Mua sắm phương tiện (máy photocopy, máy in, máy tính, camera...) và văn phòng phẩm phục vụ công tác.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 51. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng

Mục 10

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 52. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt



xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng.

1. Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC và mức chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn các chương trình, đề án, kế hoạch tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

2. Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình ở trung ương và địa phương. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản Điều 5 Thông tư này.

3. Chi thuê chuyên gia trong nước: Căn cứ mức độ cần thiết triển khai các hoạt động của Chương trình và dự toán ngân sách được giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình quyết định việc thuê chuyên gia trong nước. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức theo hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thì thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Chi duy trì, phát triển, nâng cấp trang tin điện tử về nông thôn mới; thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về nông thôn mới ở cấp trung ương, tỉnh, và huyện; nâng cao năng lực vận hành hệ thống giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về nông thôn mới: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

5. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 53. Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc

biệt cán bộ cơ sở; Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng

1. Đối tượng, thời gian, nội dung tập huấn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ NN và PTNT.

2. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Căn cứ mức chi theo quy định hiện hành, UBND cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện mức chi từng nội dung cho phù hợp với điều kiện của từng tỉnh.

4. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 54. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM.

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Kinh phí phân bổ bao gồm kinh phí triển khai thực hiện các nội dung, nội dung thành phần thuộc Chương trình có nội dung chi quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Đối tượng, nội dung thực hiện truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nội dung chi, mức chi

a) Chi tuyên truyền:

- Chi nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

- Chi hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát hành, truyền tải, lưu giữ, quảng bá các sản phẩm thông tin như tờ rơi, áp phích, pa-no, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip), chương trình truyền thanh... để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung và mức hỗ trợ, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Riêng đối với chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng (bao gồm tuyên truyền trên đài truyền thanh), mức hỗ trợ là 80.000 đồng/tin, bài có 350 từ đến dưới 600 từ và 100.000 đồng/bài có 600 từ trở lên;

- Chi duy trì cập nhật tin, bài liên quan đến xây dựng nông thôn mới trên trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của

Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung; các định mức kinh tế- kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Chi in ấn, phát hành các tài liệu, xuất bản phẩm, ấn phẩm tuyên truyền, xuất bản sách, sổ tay và các hoạt động khác có liên quan: Mức hỗ trợ thực tế do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí, quy mô, thời gian thực hiện và theo các quy định hiện hành về quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chi tổ chức sự kiện truyền thông (cuộc thi, lễ tôn vinh, ngày hội, hội chợ triển lãm): Thực hiện theo quy định và các hóa đơn, chứng từ hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị, xã hội phối hợp tuyên truyền triển khai Chương trình: Theo quy định và hóa đơn, chứng từ hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật.

4. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 55. Chi quản lý Chương trình

1. Kinh phí chi quản lý Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình để chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình (bao gồm các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình), cụ thể:

- a) Kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình
- b) Tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình
- c) Công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện, tổ chức đi học tập kinh nghiệm
- d) Trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp;
- e) Tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn NTM, hoàn thành xây dựng NTM.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí chi cho hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương.

3. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Mức chi: thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

5. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề của Chương trình; lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 56. Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Thực hiện theo quy định tại Điều 54 Thông tư này.

Mục 11

DUY TU, BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Điều 57. Nguyên tắc thực hiện

1. Công trình được duy tu, bảo dưỡng là công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trên địa bàn xã. Nhà nước chỉ hỗ trợ công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành kể từ thời gian đã hết thời hạn bảo hành công trình.

2. Mỗi công trình phân cấp cho cấp xã quản lý phải được giao cho 01 tổ chức, cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm vận hành, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ và sửa chữa thường xuyên.

3. Mức kinh phí duy tu, bảo dưỡng từng công trình do UBND cấp xã quyết định theo quy định hiện hành, phù hợp với đặc điểm của từng công trình trên địa bàn, trong phạm vi dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng được duyệt hàng năm.

4. Kinh phí duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng: Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách của từng xã để cân đối, bố trí ưu tiên kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng;

4. Quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng

Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có). Ngoài ra, việc lập dự toán, giao dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Điều 58. Lập dự toán, giao dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng

1. Lập và giao dự toán kinh phí

a) Hằng năm, căn cứ quy trình duy tu, bảo dưỡng và hiện trạng công trình, chủ đầu tư lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân, tổ, nhóm cộng đồng thảo luận công khai trước khi hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình;

Quy trình lập và giao dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; các quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chủ đầu tư thực hiện đàm phán và ký kết hợp đồng với đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

2. Thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng

a) Tổ, nhóm cộng đồng được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của tổ, nhóm cộng đồng;

b) Tài liệu quyết toán gồm:

- Quyết định phê duyệt kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng của cấp có thẩm quyền;

- Quyết định của chủ đầu tư giao cho tổ, nhóm cộng đồng thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn;

- Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư với đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện duy tu bảo dưỡng.

Trường hợp việc duy tu, bảo dưỡng không thông qua hợp đồng, hồ sơ gồm: Văn bản yêu cầu công việc và chất lượng công việc của chủ đầu tư, Bảng chấm công và Bảng thanh toán kinh phí cho người tham gia công tác duy tu, bảo dưỡng, chứng từ, hóa đơn mua vật tư, thiết bị theo giá thị trường tại địa phương. Đối với vật liệu xây dựng và những hàng hóa mua của người dân trực tiếp làm ra, chứng từ thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân theo giá phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 59. Chế độ báo cáo

Các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì nội dung, nội dung thành phần và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo tình hình và kết quả thực hiện theo quy chế quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG và

Quyết định số 263/QĐ-TTg để theo dõi, quản lý.

Điều 60. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.
2. Các Thông tư hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017.
3. Các khoản bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi Bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thay thế Bảng lương hiện hành áp dụng cho cán bộ công chức, viên chức ban hành và có hiệu lực.
4. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.
5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTĐXH, Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL. - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (250b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng

PHỤ LỤC

MỨC CHI XÂY DỰNG DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG

(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTC ngày của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025)

1. Mức chi xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp nghề và đào tạo dưới 3 tháng

1. Định mức kinh tế kỹ thuật là lượng tiêu hao các yếu tố về lao động, vật tư và thiết bị để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với từng nghề, theo từng nội dung hoạt động đào tạo sau:

- a) Tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ;
- b) Tài liệu, văn phòng phẩm, giáo trình, học liệu đào tạo;
- c) Giáo viên, người dạy nghề;
- d) Nguyên, nhiên vật liệu phục vụ hoạt động đào tạo;
- đ) Tài sản, thiết bị, phương tiện trực tiếp phục vụ hoạt động đào tạo;
- e) Các nội dung khác trực tiếp phục vụ hoạt động đào tạo;
- g) Quản lý hoạt động đào tạo.

2. Nội dung và mức chi

STT	Nội dung chi	Định mức chi
1	Chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng định mức tiêu hao lao động, vật tư và thiết bị cơ bản để hoàn thành thực hiện từng nội dung hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho từng nghề	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành
2	Chi biên soạn bộ định mức tiêu hao lao động, vật tư, thiết bị trong đào tạo cho từng nghề theo từng cấp độ, gồm:	
2.1	Từng nội dung hoạt động	500.000 đồng/nội dung
2.2	Tiêu chí tiêu hao lao động, vật tư, thiết bị trong từng nội dung hoạt động đào tạo	100.000 đồng/tiêu chí tiêu hao
3	Chi thẩm định, nghiệm thu bộ định mức kinh tế kỹ thuật của Hội đồng thẩm định do thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập	Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TILT-BTC-BKHCN ngày 22/5/2015 về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa

STT	Nội dung chi	Định mức chi
		học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

II. Mức chi xây dựng danh mục thiết bị đào tạo trình độ sơ cấp nghề và đào tạo dưới 3 tháng

STT	Nội dung chi	Mức chi cho 01 mô đun, môn học theo số lượng thiết bị trong từng mô đun, môn học (đơn vị tính: 1.000 đồng)		
		Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học < 10	Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥10 và <20	Số lượng thiết bị trong một mô đun, môn học ≥20
1	Rà soát lại và hoàn thiện các đề xuất về dụng cụ và trang thiết bị đã nêu trong chương trình đào tạo	50	100	150
2	Xác định danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô-đun	150	200	250
3	Xác định yêu cầu sơ phạm cho từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	250	300	400
4	Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	350	500	600
5	Xác định số lượng thiết bị tối thiểu cho từng thiết bị trong từng môn học, mô-đun	400	500	600
6	Tổng hợp danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô-đun bao gồm:			
6.1	Chuẩn tên gọi (chủng loại) thiết bị.	50	50	50
6.2	Xác định số lượng tối thiểu u cho tất cả các môn học, mô-đun	400	400	400
6.3	Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị (đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của tất cả môn học, mô-đun).	800	800	800
7	Biên soạn danh mục thiết bị dạy nghề	200	200	200
8	Sửa chữa biên tập tổng thể	200	200	200